

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166 /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về báo cáo đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2023; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 2023 (đợt 1) (sau đây gọi chung là dự toán điều chỉnh);

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày /11/2023 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xây dựng dự toán năm 2024 trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; căng thẳng địa chính trị, cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, xung đột Nga - Ukraina có thể kéo dài và ngày càng phức tạp, xung đột Israel - Hamas tiềm ẩn nguy cơ khó lường, tăng trưởng kinh tế, thương mại và đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, các yếu tố về an ninh, thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu... tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường. Trong nước, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, kinh tế - xã hội tiếp tục phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức rất lớn từ sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất giá cả hàng hóa, sự bất ổn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, chi phí sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài và mới phát sinh cần phải tập trung giải quyết... Với mục tiêu đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá, tăng trưởng kinh tế để tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Song song đó là tăng cường công tác bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước. Đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Quan điểm chỉ đạo

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026.

C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 17/7/2023 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh Đồng Nai. Trong đó, chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan cùng các Sở, ngành và các huyện, thành phố phối hợp thực hiện xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2024 dựa trên báo cáo đánh giá tình hình ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023 theo chỉ

tiêu, nhiệm vụ đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) thông qua tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 của tỉnh Đồng Nai. Trong đó, chú ý các yếu tố tác động đến kết quả thực hiện liên quan đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh; các tồn tại, hạn chế, các nguyên nhân (chủ quan và khách quan); các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ những biến động mạnh của tình hình thế giới;

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã tổ chức triển khai và làm việc với các đơn vị và tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, chi ngân sách địa phương (NSDP), phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2024.

Năm 2024 là năm bút phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh nước ta phải chịu sự tác động nặng nề với hậu quả còn lâu dài của dịch Covid-19. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 4 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh đề ra.

Nhiệm vụ NSNN năm 2023 thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, yếu tố rủi ro, bất định gia tăng; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi và thời cơ. Bên cạnh đó, cuộc xung đột giữa Nga - Ukraina chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng trong nền kinh tế phục hồi chậm và suy giảm; tình trạng lạm phát vẫn duy trì ở mức cao; thị trường tài chính, ngân hàng toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là sau sự đổ vỡ của của một số ngân hàng Mỹ, Thụy Sĩ... Các thách thức về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... diễn biến bất thường. Trong nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, thu hút đầu tư,... Bên cạnh đó, việc Chính phủ đã ban hành, triển khai nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và cân đối tài chính ngân sách đã phần nào tác

động đến việc huy động nguồn thu vào ngân sách của tỉnh. Đây là việc hết sức cần thiết và đòi hỏi tỉnh sớm phải được xử lý và giải quyết.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của HĐND, cùng với sự phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, sự đoàn kết, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; tình hình Kinh tế xã hội của tỉnh đạt những kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực, nền kinh tế cơ bản được đảm bảo dẫn đến tình hình thu ngân sách trong nước có phần chuyển biến tích cực.

Trên cơ sở tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ NSNN trong 10 tháng đã qua, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Kết quả ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023

1. Thu ngân sách nhà nước

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 58.035.000 triệu đồng.

Đạt 94% dự toán giao đầu năm và bằng 88% so với cùng kỳ năm 2022 (65.864.929 triệu đồng).

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 40.235.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán giao đầu năm và bằng 93% so với cùng kỳ (43.402.282 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.800.000 triệu đồng.

Đạt 83% dự toán giao đầu năm và bằng 79% so với cùng kỳ (22.462.647 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Đánh giá tình hình thu ngân sách năm 2023

2.1. Thu nội địa

*** Thuận lợi**

Dưới sự chỉ đạo giám sát sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành tài chính tích cực thực hiện việc khai thác nguồn thu, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các chính sách của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ

khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương.

Bên cạnh đó, Công tác khai thác nguồn thu được tập trung ngay từ những tháng đầu năm, công tác quản lý kê khai, kiểm tra, khai thác các nguồn thu về thuế giá trị gia tăng vãng lai, thuế xây dựng cùng với đó là sự tích cực đôn đốc thu nợ, thu gia hạn về thuế của năm trước (năm 2022), tăng cường xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ ảo, nợ chờ xử lý,...; Bên cạnh đó, công tác giải quyết các hồ sơ về mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trước bạ xe máy, xe ô tô luôn đảm bảo đúng hạn và kịp thời. Qua đó cũng góp phần khai thác các nguồn thu cho ngân sách.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật các chính sách về thuế luôn được đẩy mạnh bằng các hình thức phù hợp, giảm thủ tục hành chính không cần cung cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế. Đồng thời, chủ động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế các chính sách về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023,...

Công tác chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp thu, chống thất thu ngân sách, khai thác các nguồn thu để bù đắp các nguồn thu thiếu hụt; thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế vào NSNN. Nhờ đó, kết quả thu NSNN đối với các loại thu đều có sự tăng trưởng khá. Ngoài ra, chỉ đạo tập trung phân tích chuyên sâu các doanh nghiệp thuộc kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 để nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được giao. Cụ thể kết quả thanh tra 10 tháng đầu năm đã thực hiện xử lý 1.662 cuộc thanh tra, tổng số thu qua kiểm tra tại doanh nghiệp là 587 tỷ đồng.

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế cũng được tập trung triển khai đồng bộ, kết quả tổng số tiền thuế nợ không kể số tiền thuế nợ đang xử lý và tiền thuế nợ đang khiếu nại, khiếu kiện tính đến 30/09/2023 là 3.375 tỷ đồng.

2.2. Thu Hải quan

Được sự quan tâm chỉ đạo toàn diện sâu sát, kịp thời của Lãnh đạo Tổng cục Hải quan, Lãnh đạo Tỉnh Ủy, UBND tỉnh. Được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các Vụ, Cục chuyên môn của Tổng Cục Hải quan.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai mạnh mẽ và toàn diện đẩy mạnh thủ tục hải quan điện tử, tăng cường tiếp xúc doanh nghiệp, qua đó kịp thời hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, giúp doanh nghiệp là thủ tục xuất nhập khẩu được thuận lợi, ổn định nguồn thu.

- Việc phối hợp thu NSNN với các Ngân hàng thương mại, với Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục

hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng khi chương trình liên tục tự động cập nhật giấy nộp tiền và giải tỏa nợ thuế cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ Chỉ thị số 479/CT-TCHQ ngày 06/02/2023 của Tổng cục Hải quan về việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo thuận lợi thương mại nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chống thất thu trong triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2023.

- Tăng cường công tác quản lý nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế khó thu mới, phấn đấu để số nợ thuế đến ngày 31/12/2023 thấp hơn số nợ thuế của năm trước.

*** Khó khăn**

- Do sức ép lạm phát trên thế giới tăng cao, xung đột chính trị leo thang, khủng hoảng năng lượng ngày càng trầm trọng kéo theo khủng hoảng các thị trường hàng hóa khác, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn đã phải cắt giảm người lao động, thu hẹp sản xuất, giảm giờ làm do không có đơn hàng mới, đồng thời báo cáo kết quả kinh doanh đầu năm 2023 đạt lợi nhuận thấp hoặc phát sinh lỗ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn; xuất khẩu, đầu tư, thu hút FDI giảm, dịch bệnh,... là sức ép lớn đối với điều hành tăng trưởng, kinh tế vĩ mô. Nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất, một số doanh nghiệp không cầm cự được phải giải thể. Những tác động trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu cho ngân sách.

- Do tác động việc thực hiện chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc đóng cửa thông thương với các nước đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế, điều đó đã gây gián đoạn hoặc đứt gãy các chuỗi cung ứng đến hoạt động xuất nhập khẩu và mậu thương giữa các nước, qua đó hệ lụy đến các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước của các doanh nghiệp, dẫn đến việc huy động và đóng góp nguồn thu vào ngân sách của các doanh nghiệp cũng bị hạn chế.

- Các nguồn thu từ hoạt động mua bán bất động sản (BDS) trong năm 2023 không phát sinh và có dấu hiệu sụt giảm từ năm 2022 và tiếp tục kéo dài trong năm 2023. Đây là khoản thu chịu sự tác động trực tiếp đến các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển quyền sử dụng BĐS, tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và tiền thuê đất.

- Tình hình kinh tế tiếp tục bất ổn, thu nhập thấp, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu, tiết kiệm để tiêu dùng các sản phẩm thiết yếu hơn là nhu cầu đối với các xa xỉ phẩm, tài sản có giá trị như nhà đất, ô tô, xe máy;

- Lãi suất vay tại các ngân hàng biến động bất thường, các doanh nghiệp, cá nhân gặp nhiều khó khăn khi vay vốn để phục hồi, duy trì sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh Covid-19 hoặc mua sắm tài sản.

- Về cơ chế chính sách:

Chính sách theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ ban hành về tỷ lệ tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ. Trong đó, quy định tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế phải nộp theo quyết toán năm và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Do đó, nguồn thu từ số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2022 sẽ phải nộp trong quý I/2023 sẽ không nhiều. Do đó, số thu trong những tháng đầu năm không phát sinh nhiều;

Chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2023 của Chính phủ theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 quy định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2023 để hỗ trợ người nộp thuế (trong đó quy định bắt đầu từ kỳ thuế GTGT tháng 3/2023 và tạm nộp TNDN quý 1/2023); Đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN từ tháng 4/2023 đến nay.

Chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ từ 1/7 theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ 1/7 theo Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ.

Chính sách giảm thu 36 loại phí lệ phí từ ngày 1/7 theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính.

- Trong những tháng đầu năm, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn càng gay gắt hơn, nhất là cuộc xung đột Nga – Ukraine còn tiếp tục kéo dài và ngày càng khốc liệt và chưa có hồi kết, song song đó là cuộc xung đột giữa lực lượng Hamas của Palestine và Israel lan rộng ở Trung Đông đang đặt ra rủi ro mới đối với nền kinh tế toàn cầu; lạm phát toàn cầu ở mức cao, nhiều nước tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất, dẫn đến suy giảm tăng trưởng... tác động, ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng, tiềm ẩn rủi ro đối với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai,... tiếp tục diễn biến khó lường, như trận động đất kinh hoàng xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ và Syria.

Nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng trên thế giới giảm mạnh. Đồng thời, chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đứng trước nguy cơ bị gián đoạn, đứt gãy, dẫn tới nhiều hệ lụy cho hoạt động xuất nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm ở một số ngành như: Dệt may, da giày, giường, tủ, bàn, ghế, sản xuất kim loại. Trong khi giá xăng dầu liên tục biến động. Nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất, một số doanh nghiệp không cầm cự được phải giải thể.

- Về lĩnh vực Hải quan nguồn thu chủ yếu là từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu có thuế để phục vụ sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, với mức thuế suất nhập khẩu bình quân rất thấp (1,16%), do Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do với các nước, với việc cam kết các dòng hàng dần tiến tới mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là 0%. Ngoài ra, do nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm, thiếu hụt đơn hàng nên các doanh nghiệp giảm lượng nhập khẩu, dẫn đến kim ngạch nhập khẩu và số thu giảm ở hầu hết các mặt hàng đều giảm như: máy móc thiết bị, xơ, sợi dệt các loại, gỗ và sản phẩm gỗ, giấy các loại, linh kiện và phụ tùng xe máy, kim loại thường khác,...

- Mức giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định cam kết quốc tế WTO, CEPT/AFTA,... làm giảm số thu ngân sách của năm.

3. Chi ngân sách địa phương

* Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 24.418.687 triệu đồng.

Bằng 94% dự toán giao đầu năm, bằng 95% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 10.382.195 triệu đồng.

Bằng 93% dự toán giao đầu năm, bằng 100% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 13.088.000 triệu đồng.

Đạt 91% dự toán giao đầu năm và bằng 89% so với dự toán cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 449.910 triệu đồng.

- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 498.582 triệu đồng.

* Ước thực hiện chi đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương: 1.669.320 triệu đồng đạt 86% dự toán giao đầu năm.

Với kết quả ước chi như trên dự kiến sẽ thay đổi trên cơ sở một số nội dung và nhiệm vụ chi UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh xem xét chấp thuận thông qua tại kỳ họp cuối năm.

a) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2023 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng. Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm

¹ Văn bản số 5695/UBND-KTNS ngày 07/6/2023 về việc triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

2023; đồng thời cũng chủ trì làm việc với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị chủ đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư kịp thời và thẩm định các dự án đầu tư để hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023, giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 và bổ sung danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

* Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn sau:

- Một số dự án khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2023 bố trí vốn chuyên tiếp. Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do phải hoàn ứng phần tạm ứng hợp đồng.

- Vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông) là nguyên nhân chủ yếu làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân dự án, trong đó:

- + Mặt khách quan: do công tác đo vẽ, kiểm điểm, xác định nguồn gốc đất mất nhiều thời gian; do phải xử lý một số trường hợp hộ dân sang nhượng giấy tay mất nhiều thời gian; do người dân chưa đồng thuận với giá bồi thường và có khiếu nại, khiếu kiện...

- + Mặt chủ quan: năng lực của của đơn vị thực hiện công tác bồi thường còn hạn chế, chưa mạnh dạn áp dụng quy trình cưỡng chế theo quy định; chưa kịp thời xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (đặc biệt là trên địa bàn thành phố Biên Hòa); công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và địa phương chưa tốt; đồng thời, khi Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 6/5/2023 của Chính phủ về ủy quyền quyết định giá đất cụ thể có hiệu lực từ ngày 01/7/2023, UBND tỉnh đã phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể; tuy nhiên, một số địa phương cấp huyện còn e ngại về cơ cấu tổ chức bộ máy chưa sẵn sàng để thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Một số vướng mắc chủ quan khác:

- + Vướng mắc liên quan đến quy hoạch trong trường hợp dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư phải thực hiện điều chỉnh do quy hoạch thay đổi so với thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư.

- + Vướng mắc do việc phối hợp chưa tốt giữa chủ đầu tư với UBND cấp huyện và các sở, ngành trong thực hiện các thủ tục đầu tư dự án.

+ Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.

* Đối với nguồn vốn bội chi 1.000 tỷ đồng để thực hiện Đề án trái phiếu chính quyền địa phương: UBND tỉnh đã có Văn bản số 5687/UBND-KTNS ngày 07/6/2023 xin ý kiến Bộ Tài chính về phương án triển khai Đề án trái phiếu chính quyền địa phương (thực hiện thủ tục về quy trình phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong năm 2023).

b) Đánh giá tình hình chi thường xuyên

Về chi thường xuyên trong năm 2023 về cơ bản đảm bảo trong dự toán được giao, đáp ứng đủ và kịp thời kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện chi lương, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội, đồng thời thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức mà tỉnh đã ban hành, các cấp ngân sách vẫn đảm bảo cân đối được nguồn tồn quỹ trong việc điều hành và quản lý ngân sách.

Các lĩnh vực chi được ước tính trên cơ sở theo nhu cầu thực tế của từng ngành, từng địa phương phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 5.656.000 triệu đồng đạt 95% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí chi theo chế độ của các cơ sở giáo dục; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các kỳ thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kinh phí tập huấn và tham gia các giải thể thao, tổ chức hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ, hội thảo phục vụ hoạt động chuyên môn,...

- Chi sự nghiệp y tế: 1.295.000 triệu đồng đạt 81% so với dự toán đầu năm. Cơ bản đảm bảo kinh phí thực hiện tốt công tác như: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, phòng chống HIV/AIDS, kinh phí theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/2/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Kinh phí mua sắm đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trợ cấp, hỗ trợ nhân viên ngành y tế,...

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 52.000 triệu đồng đạt 44% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đã đảm bảo kinh phí triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình khoa học và công nghệ. Tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ đề tài còn chậm và một số không triển khai thực hiện được nên tiến độ giải

ngân đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nội dung này, UBND tỉnh sẽ thực hiện thu hồi và trình HĐND tỉnh phân bổ cho các nhiệm vụ mới và đang phát sinh tại kỳ họp cuối năm 2023.

- Chi lĩnh vực văn hóa thông tin: 183.000 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán đầu năm. Trong đó đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi cho các ngày lễ lớn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Kinh phí thực hiện Bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích Quốc gia Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 1.110.000 triệu đồng đạt 116% so với dự toán đầu năm. Trong đó, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (*thay thế Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 có hiệu lực từ ngày 01/07/2021*), kinh phí cho vay hộ cận nghèo và cho vay hỗ trợ tạo việc làm; Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu hệ thống trợ giúp xã hội; Kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp khu chăm sóc người già, người khuyết tật và người lang thang của Trung tâm Công tác xã hội,...

- Chi sự nghiệp kinh tế: 891.000 triệu đồng đạt 56% so với dự toán đầu năm. Trong sự nghiệp kinh tế, tỉnh đã tập trung đảm bảo các nhiệm chi phát triển nông nghiệp nông thôn, chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm; kinh phí đầu tư các thiết bị an toàn giao thông khắc phục điểm đen; Kinh phí thực hiện nạo vét khơi thông dòng chảy lòng suối, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh huyện, kinh phí thực hiện các dự án của sự nghiệp đất đai - tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản,.... Tuy nhiên tiến độ giải ngân kinh phí còn thấp nguyên nhân là do chi tiết kiệm cắt giảm hội nghị, tiết kiệm 10% dự toán thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, do một số dự án đề chưa được nghiệm thu, do kết quả thực hiện thấp hơn số dự toán giao,...Nội dung này, UBND tỉnh cũng sẽ thu hồi, giảm dự toán đối với các nhiệm vụ giải ngân thấp trình HĐND tỉnh phân bổ tại kỳ họp.

- Chi sự nghiệp môi trường: 412.000 triệu đồng, đạt 54% dự toán đầu năm. Trong đó chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các dự án, đề án nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Chương trình truyền thông về môi trường, xử lý rác, cải tạo sinh cảnh phục hồi môi trường sống cho các loài động vật hoang dã, quý hiếm....

- Chi quản lý hành chính: 2.266.000 triệu đồng đạt 111% dự toán đầu năm. Trong đó cơ bản đảm bảo đủ để thực hiện chi lương mức tiền lương tối thiểu, đảm bảo định mức chi hoạt động cho các đối tượng theo Nghị quyết số

25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh,...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách địa phương năm 2023 vẫn đảm bảo các nhiệm vụ chi về chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách và người lao động. Trong quá trình điều hành ngân sách vẫn còn một số sự nghiệp chi có tỷ lệ đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nội dung này, UBND tỉnh sẽ thực hiện rà soát thu hồi các nhiệm vụ chi có tiến độ giải ngân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm. Ngoài ra, trong việc thực hiện dự toán chi thường xuyên thì dự toán chi cho các đơn vị cũng phải chủ động thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ đầu năm để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Dự phòng một số sự nghiệp để bổ sung cho các huyện, thành phố và các đơn vị để thực hiện một số nhiệm vụ chi như kinh phí thực hiện đề án an ninh quốc phòng, kinh phí thực hiện chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội,...

c) Ước chi dự phòng ngân sách: 498.582 triệu đồng (về nội dung chi từ nguồn dự phòng UBND tỉnh sẽ có báo cáo riêng).

4. Điều hành ngân sách năm 2023

- Tập trung triển khai kịp thời, trọng tâm, trọng điểm các giải pháp chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tài chính – NSNN đã đề ra.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

- Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế, các đề án tài chính – NSNN theo chương trình công tác của UBND tỉnh.

- UBND tỉnh thường xuyên giám sát và theo dõi để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, theo dõi chỉ đạo ngành Tài chính, Thuế, chính quyền địa phương các cấp tích cực khai thác nguồn thu để đảm bảo nhiệm vụ chi của địa phương, hạn chế hỗ trợ, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách bám sát dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát

việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thu từ đất đai, khoáng sản; thu từ các dự án hết thời gian ưu đãi, thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số. Đồng thời, tiếp tục tập trung quyết liệt trong việc thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy nhanh thực hiện hóa đơn điện tử; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định;

- Giao Sở Tài chính thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách để theo dõi bám sát số thu vào ngân sách và tốc độ tăng giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao; định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu chi hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, từ đó đã chủ động rà soát các nhiệm vụ chi, chính sách phát sinh trong năm để tổng hợp tham mưu trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán trong các kỳ họp bất thường, giữa năm và cuối năm.

Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

Tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn trong trường hợp ngân sách địa phương giảm thu so với Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành. Xử lý nguồn và trình các phương án bù hụt thu, điều chỉnh các nhiệm vụ chi không còn thực hiện hoặc chưa triển khai thực hiện để phân bổ cho các nhiệm vụ có nhu cầu cấp thiết phát sinh.

- Tiếp tục điều hành chi NSNN theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn thuộc kế hoạch năm 2023. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ đầu năm để dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch; chống buôn lậu, gian lận thương mại; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra và kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

D. BỐ CỤC NỘI DUNG DỰ THẢO

*** Xây dựng dự toán ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2024**

1. Dự báo tình hình kinh tế

Năm 2024 là năm thứ ba thực hiện của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, là năm thứ tư thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh. Với dự báo kinh tế thế giới đối mặt nhiều rủi ro, thách thức chưa có tiền lệ; các nền kinh tế lớn tiếp tục đối mặt tình trạng tăng trưởng thấp, nguy cơ suy thoái; nhiều nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt; xung đột Nga – Ukraina ngày càng phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại,...

Trong nước, kinh tế được dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng các tháng cuối năm 2023 cũng như sang năm 2024, nhưng phải đối mặt những thách

thức từ nội tại như vấn đề về năng lực, hiệu quả, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh chính trị.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 17/7/2023 yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. UBND tỉnh xây dựng dự toán năm 2024 nhằm thực hiện mục tiêu: định hướng phải nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; Xây dựng và tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện các công trình đầu tư hạ tầng quan trọng, các dự án trọng điểm, kết nối vùng và liên vùng, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội, đồng thời đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy lợi thế, duy trì nhịp độ phát triển ở mức đảm bảo, an toàn và bền

vững, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá nhằm tăng trưởng kinh tế song với đó là bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; Ngoài ra, chủ động thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ tiêu dự toán Chính phủ giao

Năm 2024 Chính phủ giao dự toán cho Đồng Nai như sau:

a) Tổng thu NSNN: 55.170.000 triệu đồng.

Bằng 89% so với dự toán năm 2023 và bằng 95% so với ước thực hiện.

Bao gồm:

- Thu nội địa: 37.370.000 triệu đồng.

Bằng 93% so với dự toán năm 2023 và bằng 93% so với ước thực hiện.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.800.000 triệu đồng.

Bằng 83% so với dự toán 2023 và bằng 100% so với ước thực hiện.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 27.874.587 triệu đồng.

b.1) Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 23.204.120 triệu đồng.

Bằng 89% so với dự toán năm 2023 và bằng 95% so với ước thực hiện.

Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 9.988.405 triệu đồng.

Bằng 90% so với dự toán năm 2023 và bằng 96% so với ước thực hiện.

Trong đó:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 4.518.405 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 3.600.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.870.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 12.739.223 triệu đồng.

Bằng 88% dự toán năm 2023 và Bằng 97% so với ước thực hiện.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 6.214.553 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 119.481 triệu đồng.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 473.582 triệu đồng.

b.2) Chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Ngân sách Trung ương:

4.670.467 triệu đồng.

3. Nguyên tắc phân bổ dự toán năm 2024

3.1 Về thu NSNN trên địa bàn

- Dự toán thu NSNN phải được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan, diễn biến phục hồi của nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN;

- Xây dựng dự toán thu năm 2024 bám sát tình hình kinh tế - xã hội và tài chính ngân sách, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuế đất hết hiệu lực của năm 2023, việc thực hiện lộ trình cắt giảm, ưu đãi thuế để thực hiện cam kết của Chính phủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Dự toán thu ngân sách trong cân đối tối thiểu bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu pháp lệnh của Chính phủ giao (cả thu nội địa và thu xuất nhập khẩu).

- Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu năm 2024 đạt và vượt dự toán Chính phủ giao (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); mức tăng trưởng thu tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn, trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

Các nguồn thu phải tổng hợp đầy đủ phát sinh trên địa bàn và loại trừ các khoản không thuộc nguồn thu cân đối NSNN theo chế độ quy định, trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2023, những đặc thù của năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu năm 2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu

NSNN năm 2024 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2024.

3.2. Về thu ngân sách địa phương

- Dự toán thu ngân sách địa phương được phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; giữa ngân sách địa phương và ngân sách cấp huyện, xã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Dự toán thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương được bố trí vốn theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ Chính phủ giao.

- Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất đối với các dự án bán đấu giá được sử dụng để phân bổ đầu tư để thực hiện các dự án cấp thiết trên địa bàn.

- Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2022 được thực hiện phân bổ cho chi đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn thu kết dư để phân bổ cho chi đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn thu chuyển nguồn lương bằng dự toán Chính phủ giao để thực hiện chi tăng lương cơ sở theo quy định.

3.3 Về chi ngân sách địa phương

a) Phân bổ chi đầu tư phát triển

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công, các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên bố trí dự toán năm 2024 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN, các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án hoàn thành trong năm 2024. Bố trí vốn phải đảm bảo cơ cấu tối thiểu của ngành giáo dục và đào tạo và khoa học công nghệ theo quy định của Trung ương.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất

+ Đối với nguồn thu giao cho khối huyện thực hiện phân chia theo tỷ lệ ngân sách tỉnh được hưởng 40% và ngân sách cấp huyện hưởng 60%. Đối với ngân sách cấp huyện chỉ thực hiện bố trí dự án khi có số thực thu nguồn này vào ngân sách.

+ Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất được hình thành tại tỉnh được thực hiện để thực hiện ghi thu ghi chi ngân sách theo quy định, phân bổ dự toán khi thực sự có nguồn thu vào ngân sách.

+ Đối với nguồn thu từ các dự án đấu giá quyền sử dụng đất trúng đấu giá từ các năm trước được thực hiện phân bổ theo quy định của Luật đầu tư công và kế hoạch đầu tư công được trình HĐND tỉnh tại kỳ họp.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2023 của Chính phủ; Đối với nguồn này chỉ thực hiện phân bổ dự toán khi có nguồn thu nộp vào ngân sách.

b) Phân bổ dự toán chi thường xuyên

+ Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn chi thường xuyên NSNN, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội. Đồng thời, đáp ứng các yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

+ Dành nguồn dự phòng tại các sự nghiệp để thực hiện các chính sách chế độ mới phát sinh trong năm theo các quy định của trung ương ban hành, các Nghị quyết của HĐND tỉnh dự kiến thông qua tại các kỳ họp và những phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

+ Bên cạnh đó, dự toán chi thường xuyên năm 2024 xác định các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương và chi hoạt động bộ máy năm 2024 so với năm 2023; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm tài sản công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

- Lập quỹ dự trữ tài chính: Bằng chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Dự phòng ngân sách: theo đúng quy định của Luật ngân sách, xây dựng bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết

kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện kịp thời để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Từ các nguyên tắc trên, UBND tỉnh xây dựng dự toán 2024 như sau:

4. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 56.170.000 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 38.370.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 3.600.000 triệu đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 1.870.000 triệu đồng.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.800.000 triệu đồng.

5. Dự toán thu NSDP năm 2024 31.035.301 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 23.217.300 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 4.670.467 triệu đồng.

- Thu tiền sử dụng đất các năm trước: 2.040.816 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn lương: 486.820 triệu đồng.

- Thu kết dư: 619.898 triệu đồng.

6. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 31.035.301 triệu đồng.

6.1 Dự toán chi trong cân đối: 28.676.301 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Dự toán chi đầu tư phát triển: 12.840.605 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi XD CB nguồn vốn tập trung: 4.533.405 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.587.302 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 2.489.898 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển khác: 230.000 triệu đồng.

b) Dự toán chi thường xuyên: 15.295.690 triệu đồng.

c) Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

d) Dự phòng ngân sách:

537.096 triệu đồng.

6.2. Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung

Ngân sách Trung ương:

2.359.000 triệu đồng.

Tóm lại: Dự toán năm 2024 về cơ bản đảm bảo đủ cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, ổn định chính trị, an ninh trật tự, phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội,... trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các nội dung trình bày nêu trên, UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa X - kỳ họp thứ 14 xem xét, quyết định dự toán ngân sách năm 2023 như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước: 56.170.000 triệu đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương: 31.035.301 triệu đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương: 31.035.301 triệu đồng.
- + Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 17.132.452 triệu đồng.

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 9.359.505 triệu đồng.

Chi thường xuyên: 5.152.541 triệu đồng.

+ Dự toán chi ngân sách cấp huyện, xã: 13.902.849 triệu đồng.

Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 3.481.100 triệu đồng.

Chi thường xuyên: 10.143.149 triệu đồng.

- Bổ sung ngân sách cấp huyện, xã: 8.771.129 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

7. Các giải pháp tổ chức thực hiện dự toán ngân sách

7.1. Các giải pháp thu ngân sách nhà nước

- Triển khai thực hiện các giải pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về thu NSNN, tăng cường công tác quản lý thu.

- Tổ chức giao dự toán thu ngân sách năm 2024 cho các huyện và thành phố để chủ động tập trung chỉ đạo đơn đốc thu, tăng cường khai thác nguồn thu ngay từ đầu năm. Trên cơ sở đó, các địa phương tập trung đánh giá tình hình thu ngân sách của các địa phương để giao chỉ tiêu phấn đấu tăng thu phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính tích cực trong công tác thu ngân sách và tăng khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Tập trung quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; cải cách, hiện đại hóa hệ thống cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý thuế tiên tiến, hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật thuế để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác chấp hành.

- Định kỳ đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ và thực hiện hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường.

7.2. Các giải pháp chi ngân sách địa phương

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả.

- Phân bổ chi thường xuyên ưu tiên đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, bố trí dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ bằng hoặc cao hơn dự toán Trung ương giao. Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ kết thiết thị chính của các đô thị lớn, duy trì các tiêu chí về nông thôn mới, đảm bảo vốn thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Điều hành chi NSNN theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn thuộc kế hoạch năm 2024; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước các cấp tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu đã quy định.

- Thực hiện rà soát và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, xác định lại nguồn thu trên cơ sở các mức giá, phí mới để tính mức hỗ trợ từ ngân sách cho phù hợp. Kiểm soát việc sử dụng nguồn thu sự nghiệp được để lại theo đúng quy định hiện hành.

7.3. Giải pháp điều hành ngân sách

- Các cấp ngân sách thực hiện chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán và ứng vốn, trừ trường hợp thật sự cần thiết, cấp bách và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Rà soát các đề án, chính sách để lồng ghép các nhiệm vụ chi, giảm bớt sự trùng lặp chồng chéo. Sắp xếp nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của từng cấp ngân sách.

- Rà soát, tập trung các nguồn lực ngân sách của địa phương ngay từ đầu năm để cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi. Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm tăng chi ngân sách, trường hợp cần thiết phải ban hành yêu cầu phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào số thực thu từ nguồn này vào ngân sách thì mới bố trí vốn cho dự án, tránh tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và mất cân đối ngân sách.

UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa X - kỳ họp thứ 14 xem xét, quyết định./.

Hồ sơ kèm theo gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2024.

(2) Phụ lục Tờ trình, Phụ lục dự thảo Nghị quyết dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2024.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó VP. UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Vô Tấn Đức

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 166 TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2023		DỰ TOÁN NĂM 2024	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2023/ DTĐN 2023	DT 2024/ DTĐN 2023	DT 2024/ UTH 2023
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	61.685.000	58.035.000	56.170.000	94%	91%	97%
I	Thu nội địa	40.235.000	40.235.000	38.370.000	100%	95%	95%
	<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)</i>	<i>36.005.000</i>	<i>34.445.000</i>	<i>32.900.000</i>	<i>96%</i>	<i>91%</i>	<i>96%</i>
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	1.800.000	1.520.000	1.470.000	84%	82%	97%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.135.000	850.000	875.000	75%	77%	103%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	0					
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	400.000	410.000	320.000	103%	80%	78%
-	Thuế tài nguyên	265.000	260.000	275.000	98%	104%	106%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	2.020.000	2.210.000	2.230.000	109%	110%	101%
-	Thuế giá trị gia tăng	730.000	550.000	612.000	75%	84%	111%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	790.000	1.000.000	1.000.000	127%	127%	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	385.000	460.000	430.000	119%	112%	93%
-	Thuế tài nguyên	115.000	200.000	188.000	174%	163%	94%
3	Thu từ DN có vốn ĐTN	14.740.000	12.806.199	12.874.000	87%	87%	101%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.600.000	2.800.000	2.883.000	78%	80%	103%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	523.000	200.000	255.000	38%	49%	128%
	<i>Thu từ hàng hóa dịch vụ nhập khẩu bán ra trong nước</i>	<i>380.000</i>	<i>146.000</i>	<i>195.000</i>	<i>38%</i>	<i>51%</i>	<i>134%</i>
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.610.000	9.800.000	9.730.000	92%	92%	99%
-	Thuế tài nguyên	7.000	6.199	6.000	89%	86%	97%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5.784.000	6.045.000	5.904.000	105%	102%	98%
-	Thuế giá trị gia tăng	2.950.000	3.400.000	3.500.000	115%	119%	103%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	35.000	52.000	55.000	149%	157%	106%
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>	<i>3.800</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>	<i>26%</i>		<i>100%</i>
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.635.000	2.443.000	2.188.000	93%	83%	90%
-	Thuế tài nguyên	164.000	150.000	161.000	91%	98%	107%
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.565.000	6.000.000	6.200.000	91%	94%	103%
6	Lệ phí trước bạ	1.350.000	1.050.000	1.000.000	78%	74%	95%
7	Thuế bảo vệ môi trường	1.030.000	530.000	550.000	51%	53%	104%
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	412.000	18.000	220.000	4%	53%	1222%
-	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	618.000	512.000	330.000	83%	53%	64%
8	Thu phí, lệ phí	530.000	500.000	500.000	94%	94%	100%
-	Phi lệ phí trung ương	180.000	153.000	160.000	85%	89%	105%
-	Phi lệ phí địa phương	350.000	347.000	340.000	99%	97%	98%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		101				

STT	Nội dung các khoản thu	NĂM 2023		DỰ TOÁN NĂM 2024	SO SÁNH %		
		DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		UTH 2023/ DTĐN 2023	DT 2024/ DTĐN 2023	DT 2024/ UTH 2023
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	96.000	165.000	100.000	183%	111%	61%
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	700.000	1.800.000	600.000	257%	86%	33%
12	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000	3.610.000	3.600.000	144%	144%	100%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, tại xã	1.000	270	1.000	27%	100%	370%
14	Thu khác ngân sách	740.000	1.000.000	750.000	135%	101%	75%
	Trong đó						
-	Phạt VPHC do cơ quan trung ương thực hiện	270.000	438.000	450.000	162%	167%	103%
-	Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		130.000	90.000			69%
15	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN		13.087	11.000			84%
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	505.000	665.343	600.000	132%	119%	90%
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	150.000	140.000	110.000	93%	73%	79%
-	Trung ương	46.000	61.000	51.000	133%	111%	84%
-	Địa phương	104.000	79.000	59.000	76%	57%	75%
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.730.000	2.180.000	1.870.000	126%	108%	86%
-	Thuế giá trị gia tăng	530.000	570.000	550.000	108%	104%	96%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	180.000	214.000	210.000	119%	117%	98%
-	Thu từ thu nhập sau thuế	500.000	626.000	550.000	125%	110%	88%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt	520.000	770.000	560.000	148%	108%	73%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	21.450.000	17.800.000	17.800.000	83%	83%	100%
-	Thuế xuất khẩu	131.000	121.000	112.000	92%	85%	93%
-	Thuế nhập khẩu	2.573.000	1.922.000	1.860.000	75%	72%	97%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt	40.000	82.000	100.000	205%	250%	122%
-	Thuế bảo vệ môi trường	80.000	66.000	65.000	83%	81%	98%
-	Thuế giá trị gia tăng	18.611.000	15.499.000	15.603.000	83%	84%	101%
-	Khác: (Lệ phí,...)	15.000	110.000	60.000	733%	400%	55%
	** TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.997.633	29.997.875	31.035.301	107%	111%	103%
A	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	26.997.633	29.997.875	31.035.301	111%	115%	103%
1	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	23.679.104	25.271.300	23.217.300	107%	98%	92%
-	Các khoản thu 100%	8.351.000	11.088.000	9.111.000	133%	109%	82%
-	Thu phân chia theo tỷ lệ %	15.328.104	14.183.300	14.106.300	93%	92%	99%
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	2.043.529	1.963.529	4.670.467	96%	229%	
a	Vốn đầu tư để thực hiện các dự án nhiệm vụ	1.934.800	1.854.800	2.359.000	96%	122%	127%
b	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ theo quy định	108.729	108.729	2.311.467	100%	2126%	2126%
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất các năm trước	1.036.429	936.429	2.040.816	90%	197%	218%
4	Thu chuyển nguồn lương		263.794	486.820			185%
5	Thu kết dư	238.571	1.562.823	619.898			
B	Bội chi	1.000.000			0%	0%	

**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 166 TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	NĂM 2023		NĂM 2024			SO SÁNH %			
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	TỔNG CỘNG	KHỎI TỈNH	KHỎI HUYỆN	NĂM 2023		NĂM 2024	
							DT ĐN	CÙNG KỲ	DTĐN 2023	UTH 2023
A	B	1	2	3	4	5	4=2/1	5=2/Ck	6=3/1	7=3/2
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	26.062.833	24.418.687	28.676.301	14.773.452	13.902.849	94%	95%	110%	117%
I	Chi đầu tư phát triển:	11.108.405	10.382.195	12.840.605	9.359.505	3.481.100	93%	100%	116%	124%
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	4.561.007	4.104.906	4.533.405	2.726.105	1.807.300	90%	148%	99%	110%
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.511.429	3.160.286	5.587.302	4.682.502	904.800	90%	120%	159%	177%
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.925.969	1.733.372	2.489.898	1.720.898	769.000	90%	127%	129%	144%
4	Bội chi ngân sách	1.000.000		-			0%		0%	
5	Chi đầu tư phát triển khác	110.000	1.383.630	230.000	230.000	-	1258%	39%	209%	17%
-	Ngân hàng Chính sách xã hội			110.000	110.000					
-	Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh			20.000	20.000					
-	Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh			10.000	10.000					
-	Chi từ nguồn bảo vệ và phát triển đất trồng lúa			90.000	90.000					
-	Đầu tư khác	110.000	1.383.630	-			1258%		0%	0%
II	Chi thường xuyên. Trong đó	14.452.936	13.088.000	15.295.690	5.152.541	10.143.149	91%	89%	106%	117%
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	757.992	783.000	839.955	254.145	585.810	103%	93%	111%	107%
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.925.528	5.656.000	6.354.052	1.163.608	5.190.444	95%	112%	107%	112%
3	Chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình	1.601.170	1.295.000	1.605.099	1.402.231	202.868	81%	87%	100%	124%
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	119.481	52.000	121.197	121.197		44%	187%	101%	233%
5	Chi sự nghiệp văn hóa	166.232	183.000	146.541	86.855	59.686	110%	112%	88%	80%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	199.186	182.000	186.599	154.948	31.651	91%	98%	94%	103%
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	87.957	46.000	85.251	54.375	30.876	52%	76%	97%	185%
8	Chi đảm bảo xã hội	956.954	1.110.000	1.010.709	311.183	699.526	116%	70%	106%	91%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.598.742	891.000	1.414.747	519.954	894.793	56%	57%	88%	159%
10	Sự nghiệp môi trường	765.133	412.000	753.210	75.228	677.982	54%	50%	98%	183%
11	Chi quản lý hành chính	2.045.984	2.266.000	2.565.011	962.863	1.602.148	111%	85%	125%	113%
12	Chi khác ngân sách	228.577	212.000	213.319	45.954	167.365	93%	83%	93%	101%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương									
IV	Dự phòng ngân sách	498.582	498.582	537.096	258.496	278.600	100%		108%	108%
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	449.910	2.910	2.910		15461%	60%	100%	1%
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.934.800	1.669.320	2.359.000	2.359.000	0	86%	47%	122%	141%

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	NĂM 2023		NĂM 2024			SO SÁNH %			
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	TỔNG CỘNG	KHỐI TÍNH	KHỐI HUYỆN	NĂM 2023		NĂM 2024	
							DT ĐN	CÙNG KỲ	DTĐN 2023	UTH 2023
A	B	1	2	3	4	5	4=2/1	5=2/CK	6=3/1	7=3/2
-	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.934.800	1.669.320	2.359.000	2.359.000		86%	47%	122%	141%
-	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu				0					
	TỔNG CỘNG (A+B)	27.997.633	26.088.007	31.035.301	17.132.452	13.902.849	93%	89%	111%	119%

DỰ TOÁN CHI THUƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH NĂM 2023(Kèm theo Tờ trình số 166 /TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3
	CHI THUƯỜNG XUYỀN	5.152.541
I	CHI QUỐC PHÒNG	186.807
-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	186.807
-	Dự phòng	-
II	CHI AN NINH	67.338
-	Công an tỉnh	67.338
-	Dự phòng	-
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1.163.608
1	Chi sự nghiệp giáo dục	893.380
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	755.682
-	Đại học Đồng Nai	3.698
-	Dự phòng	134.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	270.228
-	Đại học Đồng Nai	39.518
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	20.000
-	Sở Y tế	2.200
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	26.159
-	Trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	40.310
-	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	15.503
-	Trường Chính trị Đồng Nai	22.840
-	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7.151
-	Công an tỉnh	200
-	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	60.182
-	Sở Ngoại vụ	2.170
-	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	29.450
-	Sở Khoa học và Công nghệ	520
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	140
-	Sở Nội vụ	3.885
IV	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	54.375
	Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	54.375
		-
		-
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	121.197
-	Sở Khoa học và Công nghệ	59.280
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	11.859
-	Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật	7.254
-	Công an tỉnh	4.741
-	Sở Thông tin và Truyền thông	38.063
-	Dự phòng	-
VI	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1.402.231
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.770
-	Sở Y tế	950.558

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Bảo hiểm xã hội	448.903
-	Dự phòng	-
VII	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	86.855
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	70.212
-	Nhà Xuất bản Đồng Nai	2.500
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	2.327
-	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	8.289
-	Tinh đoàn (Nhà thiếu nhi)	2.827
-	Liên Đoàn lao động tỉnh	700
VIII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	154.948
1	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	154.948
IX	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	75.228
	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	6.832
	Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển	2.600
	Sở Công thương	6.600
	Sở Tài nguyên và Môi trường	54.684
	Công an tỉnh	1.400
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	100
	Ban quản lý các khu công nghiệp	3.012
X	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	519.954
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	149.311
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	82.760
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	41.388
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	41.372
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	44.913
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	44.913
c	Sự nghiệp thủy lợi	21.638
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.747
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai	3.891
-	Công ty khai thác công trình thủy lợi	7.000
2	Chi sự nghiệp công thương	21.976
-	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	8.875
-	Trung tâm Xúc tiến thương mại	11.665
-	Sở Công thương	1.436
3	Chi sự nghiệp giao thông	171.328
-	Sở Giao thông Vận tải	101.065
-	Ban An toàn giao thông	30.263
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	-
-	Công an tỉnh	-
-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	-
-	Trợ giá xe buýt	40.000
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	16.793
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	16.793
5	Chi sự nghiệp quy hoạch	100.000
-	Sở Xây dựng	-
-	Kinh phí quy hoạch cấp tỉnh, huyện	100.000
6	Chi sự nghiệp du lịch	11.294
	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	9.344
	Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.950
7	Sự nghiệp công nghệ thông tin	-

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	Sở Thông tin và Truyền thông	-
8	Sự nghiệp kinh tế khác	49.252
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.000
-	Sở Thông tin và Truyền thông	32.347
-	Ban quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh	1.800
-	Cục Quản lý thị trường	2.105
-	Sở Xây dựng để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	11.000
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	962.863
1	Chi quản lý nhà nước	689.755
-	Văn Phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân	21.424
-	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	57.987
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51.896
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.051
-	Sở Giao thông Vận tải	20.226
-	Ban An toàn giao thông	1.522
-	Sở Thông tin và Truyền thông	7.563
-	Sở Công thương	21.129
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	22.022
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	12.199
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.957
-	Thanh tra tỉnh	10.331
-	Sở Nội vụ	74.962
-	Sở Tư pháp	12.692
-	Sở Ngoại vụ	18.046
-	Ban Dân tộc	27.383
-	Sở Khoa học và Công nghệ	10.739
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	4.798
-	Sở Xây dựng	29.871
-	Ban quản lý các khu công nghiệp	29.190
-	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	16.198
-	Sở Y tế	19.520
-	Sở Tài chính	26.049
-	Dự phòng	160.000
2	Đảng	150.000
3	Đoàn thể	123.108
a	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	14.660
-	Hội Chữ thập đỏ	4.847
-	Hội Người mù	1.610
-	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	1.315
-	Hội cựu thanh niên xung phong	2.450
-	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày	2.669
-	Hội người cao tuổi	1.769
b	Chi tổ chức chính trị, xã hội	65.005
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	11.101
-	Tỉnh đoàn	25.183
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	12.318
-	Hội Nông dân	11.006

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	Hội Cựu chiến binh	5.397
c	Chi tổ chức nghề nghiệp	43.443
-	Hội Sinh viên	2.575
-	Hội nhà báo	1.603
-	Hội Luật gia	1.123
-	Hội Văn học Nghệ thuật	8.315
-	Liên minh Hợp tác xã	10.030
-	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	4.578
-	Hội Khuyến học	2.645
-	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	12.020
-	Đoàn Luật sư	554
XII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	311.183
-	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	230.154
-	Bảo hiểm xã hội	6.029
-	Dự phòng	75.000
XIII	CHI KHÁC	45.954
-	Sở Tư pháp	6.626
-	Văn Phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân	3.045
-	Ban quản lý các khu công nghiệp	1.283
-	Kho bạc nhà nước	-
-	Chi hỗ trợ Tết cho các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn	-
-	Các khoản khác ngân sách	35.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 166 /TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	CHỈ TIÊU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐÌNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NIHON TRẠCH
	A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Nhiệm vụ thu NS cấp huyện, xã		7.439.570	3.124.000	435.000	829.000	222.820	268.800	104.000	394.500	334.500	174.500	1.012.300	540.150
*	Nhiệm vụ thu trừ tiền SD đất		5.931.570	2.674.000	370.000	509.000	152.820	193.800	82.000	304.500	294.500	124.500	692.300	474.150
1	Thuế công thương nghiệp, NOD		3.379.870	1.700.000	250.000	215.000	67.000	106.370	33.500	120.000	165.000	35.000	418.000	270.000
-	Thuế giá trị gia tăng	50%	2.503.500	1.292.800	144.800	170.300	34.980	94.000	28.150	84.100	145.300	30.370	284.500	194.200
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng nội địa	50%	3.840	2.200	200	200	20	170	150	400	200	0	150	150
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	50%	802.600	385.000	70.000	44.000	30.000	11.500	5.100	26.500	18.000	4.500	133.000	75.000
-	Thuế tài nguyên	100%	69.930	20.000	35.000	500	2.000	700	100	9.000	1.500	130	350	650
2	Thuế thu nhập cá nhân	50%	958.000	380.000	45.000	100.000	36.000	28.500	17.500	51.000	50.000	45.000	105.000	100.000
3	Lệ phí trước bạ	100%	1.000.000	350.000	22.000	210.000	30.800	34.000	16.200	85.000	50.000	32.000	112.000	58.000
4	Thuế bảo vệ môi trường	50%	11.500	10.000	0	0	0	0	0	1.500	0	0	0	0
5	Thu phí, lệ phí. Trong đó:		193.000	75.000	28.000	12.500	7.000	6.500	5.500	18.000	10.000	4.500	16.000	10.000
-	Trong cân đối	100%	142.800	60.000	23.700	8.600	5.000	4.000	2.900	10.300	6.500	2.300	10.900	8.600
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	100.000	59.000	6.000	4.000	2.000	800	700	4.000	1.500	1.000	11.000	10.000
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	100%	17.170	10.000	4.000	2.500	20	0	0	0	200	0	300	150
8	Thu tiền sử dụng đất	60%	1.508.000	450.000	65.000	260.000	70.000	75.000	22.000	90.000	40.000	50.000	320.000	66.000
9	Thu hoa lợi công sản	100%	550	0	0	0	0	450	100	0	0	0	0	0
10	Thu khác ngân sách. Trong đó:		271.480	90.000	15.000	25.000	10.000	17.180	8.500	25.000	17.800	7.000	30.000	26.000
-	Thu cân đối	100%	134.600	60.000	8.000	12.000	5.000	7.500	5.000	4.000	6.600	3.500	11.000	12.000
B	Thu cân đối ngân sách huyện (Không bao gồm tiền sử dụng đất)		3.604.770	1.594.000	228.700	394.850	95.320	114.535	50.450	194.050	173.050	78.865	406.875	274.075
-	Số thu Huyện hưởng 100%		1.465.050	559.000	98.700	237.600	44.820	47.450	25.000	112.300	66.300	38.930	145.550	89.400
-	Số thu Huyện hưởng theo tỷ lệ		2.139.720	1.035.000	130.000	157.250	50.500	67.085	25.450	81.750	106.750	39.935	261.325	184.675
C	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh		8.771.129	1.139.042	575.893	718.232	701.417	1.001.789	1.012.994	649.614	980.026	871.116	511.818	609.188
1	Bổ sung cân đối		8.002.129	1.047.432	514.838	663.224	646.938	933.509	940.525	592.543	886.513	766.463	455.964	554.180

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHI TIẾT	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT	TỔNG CỘNG	BIÊN HOÀ	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐỊNH QUẬN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
			1-2+112	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Bổ sung cơ mại tiêu	A	769.000	91.610	61.055	55.008	54.479	68.280	72.469	57.071	93.513	104.653	55.854	55.008
-	Bổ sung đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		799.000	91.610	61.055	55.008	54.479	68.280	72.469	57.071	93.513	104.653	55.854	55.008
-	Bổ sung từ nguồn ngân sách tập trung của tỉnh		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bổ sung từ nguồn các cách thức khác của tỉnh		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
D	Thu từ nguồn tại đơn vị		622.150	158.013	33.269	48.583	36.542	59.938	54.988	43.695	68.848	44.543	39.400	34.331
-	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)		81.200	36.738	2.010	3.140	3.597	4.482	3.997	9.502	7.425	1.814	3.732	4.763
-	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)		54.130	24.492	1.339	2.093	2.398	2.987	2.665	6.335	4.949	1.210	2.487	3.175
-	Thu từ nguồn CCTL tại địa phương		486.820	96.783	29.920	43.350	30.547	52.469	48.326	27.858	56.474	41.519	33.181	26.393
E	Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách		904.800	270.000	39.000	156.000	42.000	45.000	13.200	54.000	24.000	30.000	192.000	39.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2023
(Kèm theo Tờ trình số **166** /TTr-UBND ngày **24** tháng **11** năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục số 05

Đơn vị: Triệu đồng													
STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG	BIẾN HÓA	VĨNH CỬU	TRĂNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐÌNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
A	B	1=2+ +12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	13.902.849	3.161.055	876.862	1.317.665	875.279	1.221.262	1.131.632	941.359	1.245.924	1.024.524	1.150.093	957.194
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	12.229.049	2.799.445	776.807	1.106.657	778.800	1.107.982	1.045.963	830.288	1.128.411	889.871	902.239	862.586
I	Chi đầu tư phát triển:	1.807.300	239.257	159.457	143.665	142.284	178.326	189.268	149.053	165.879	150.571	145.875	143.665
1	Chi đầu tư XD CB tập trung	1.807.300	239.257	159.457	143.665	142.284	178.326	189.268	149.053	165.879	150.571	145.875	143.665
II	Chi thường xuyên	10.143.149	2.496.888	599.750	936.592	619.016	905.156	833.995	662.335	937.532	718.800	733.364	699.721
1	Chi sự nghiệp môi trường	677.982	335.205	30.580	43.865	21.924	34.978	18.830	33.568	21.712	23.450	52.329	61.541
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.190.444	1.166.206	299.572	495.085	326.465	503.296	459.064	313.288	558.708	386.255	356.629	325.876
3	Các sự nghiệp khác	4.274.723	995.476	269.598	397.643	270.627	366.882	356.101	315.479	357.112	309.095	324.406	312.304
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	0	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Dự phòng ngân sách	278.600	63.300	17.600	26.400	17.500	24.500	22.700	18.900	25.000	20.500	23.000	19.200
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỰ NGUỒN VỐN KHÁC	1.673.800	361.610	100.055	211.008	96.479	113.280	85.669	111.071	117.513	134.653	247.854	94.608
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (ngân sách huyện hưởng)	904.800	270.000	39.000	156.000	42.000	45.000	13.200	54.000	24.000	30.000	192.000	39.600
2	Bổ sung có mục tiêu nguồn NSTT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi đầu tư từ nguồn thu bổ sung xổ số kiến thiết	769.000	91.610	61.055	55.008	54.479	68.280	72.469	57.071	93.513	104.653	55.854	55.008

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN VÀ THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023
(Kèm theo Tờ trình số 166 /TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục 06

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)	Thu từ nguồn CCTL tại địa phương	Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách thành phố			
								Tổng số	Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10
1	Thành phố Biên Hòa	2.674.000	1.594.000	36.738	24.492	96.783	2.799.445	1.139.042	0	1.047.432	91.610
2	Huyện Vĩnh Cửu	370.000	228.700	2.010	1.339	29.920	776.807	575.893	0	514.838	61.055
3	Huyện Trảng Bom	569.000	394.850	3.140	2.093	43.350	1.106.657	718.232	0	663.224	55.008
4	Huyện Thống Nhất	152.820	95.320	3.597	2.398	30.547	778.800	701.417	0	646.938	54.479
5	Huyện Định Quán	193.800	114.535	4.482	2.987	52.469	1.107.982	1.001.789	0	933.509	68.280
6	Huyện Tân Phú	82.000	50.450	3.997	2.665	48.326	1.045.963	1.012.994	0	940.525	72.469
7	Thành phố Long Khánh	304.500	194.050	9.502	6.335	27.858	830.288	649.614	0	592.543	57.071
8	Huyện Xuân Lộc	294.500	173.050	7.425	4.949	56.474	1.128.411	980.026	0	886.513	93.513
9	Huyện Cẩm Mỹ	124.500	78.865	1.814	1.210	41.519	889.871	871.116	0	766.463	104.653
10	Huyện Long Thành	692.300	406.875	3.732	2.487	33.181	902.239	511.818	0	455.964	55.854
11	Huyện Nhơn Trạch	474.150	274.075	4.763	3.175	26.393	862.586	609.188	0	554.180	55.008
	TỔNG SỐ	5.931.570	3.604.770	81.200	54.130	486.820	12.229.049	8.771.129	0	8.002.129	769.000

Ghi chú:

- Dự toán thu, chi ngân sách huyện, thành phố chưa bao gồm: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện được hưởng.

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương,
phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới
của tỉnh Đồng Nai năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X- KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nội dung giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2024 theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

- Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 56.170.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu nội địa: 38.370.000 triệu đồng.
 - Dự toán thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.800.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

- Dự toán thu ngân sách địa phương: 31.035.301 triệu đồng.

a) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:	23.217.300 triệu đồng.
b) Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW:	4.670.467 triệu đồng.
c) Thu tiền sử dụng đất các năm trước:	2.040.816 triệu đồng.
d) Thu chuyên nguồn lương:	486.820 triệu đồng.
e) Thu kết dư:	619.898 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

3. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương:	31.035.301 triệu đồng.
a) Tổng dự toán chi trong cân đối ngân sách:	28.676.301 triệu đồng.
Bao gồm:	
- Dự toán chi đầu tư phát triển:	12.840.605 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Chi xây dựng cơ bản nguồn vốn tập trung:	4.533.405 triệu đồng.
+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	5.587.302 triệu đồng.
+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	2.489.898 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển khác:	230.000 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên:	15.295.690 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	6.354.052 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	121.197 triệu đồng.
- Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	537.096 triệu đồng.
b) Dự toán chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu Ngân sách Trung ương:	2.359.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

4. Dự toán chi khối tỉnh:	17.132.452 triệu đồng.
a) Các khoản chi trong cân đối:	14.773.452 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	9.359.505 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:	5.152.541 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	258.496 triệu đồng.
b) Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu Ngân sách Trung ương:	2.359.000 triệu đồng.
5. Dự toán khối huyện:	
a) Dự toán thu ngân sách nhà nước:	7.439.570 triệu đồng.
b) Dự toán chi ngân sách:	13.902.849 triệu đồng.
Trong đó:	
- Dự toán chi đầu tư:	3.481.100 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên:	10.143.149 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 278.600 triệu đồng.
 - 6. Bổ sung ngân sách cấp huyện: 8.771.129 triệu đồng.
- (Chi tiết tại Phụ lục VI đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024 và đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

NQ-HDND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HDND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2023	UTH NĂM 2023	DỰ TOÁN NĂM 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	27.997.633	29.997.875	31.035.301	1.037.426	103%
I	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	23.679.104	25.271.300	23.217.300	(2.054.000)	92%
-	Các khoản thu 100%	8.351.000	11.088.000	9.111.000	(1.977.000)	82%
-	Các khoản thu theo tỷ lệ	15.328.104	14.183.300	14.106.300	(77.000)	99%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.043.529	1.963.529	4.670.467	2.706.938	238%
III	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm trước	1.036.429	936.429	2.040.816	1.104.387	218%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	263.794	486.820	223.026	185%
V	Thu kết dư	238.571	1.562.823	619.898	(942.925)	40%
VI	Thu quỹ dự trữ tài chính				0	
VII	Bội Chi	1.000.000	0	0	0	
B	TỔNG CHI NSDP	27.997.633	26.088.007	31.035.301	4.947.295	119%
I	Tổng chi cân đối NSDP	26.062.833	24.418.687	28.676.301	4.257.615	117%
1	Chi đầu tư phát triển	11.108.405	10.382.195	12.840.605	2.458.411	124%
2	Chi thường xuyên	14.452.936	13.088.000	15.295.690	2.207.690	117%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0	0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	449.910	2.910	(447.000)	1%
5	Dự phòng ngân sách	498.582	498.582	537.096	38.514	108%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	0	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.934.800	1.669.320	2.359.000	689.680	141%
III	Bội thu			0	0	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu mẫu số 16

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		SO SÁNH %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	58.035.000	25.271.300	56.170.000	23.217.300	97%	92%
I	Thu nội địa	40.235.000	25.271.300	38.370.000	23.217.300	95%	92%
	(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)	34.445.000	19.481.300	32.900.000	17.747.300	96%	91%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	1.520.000	890.000	1.470.000	872.500	97%	98%
-	Thuế giá trị gia tăng	850.000	425.000	875.000	437.500	103%	103%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	410.000	205.000	320.000	160.000	78%	78%
-	Thuế tài nguyên	260.000	260.000	275.000	275.000	106%	106%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	2.210.000	1.205.000	2.230.000	1.209.000	101%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	550.000	275.000	612.000	306.000	111%	111%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.000.000	500.000	1.000.000	500.000	100%	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	460.000	230.000	430.000	215.000	93%	93%
-	Thuế tài nguyên	200.000	200.000	188.000	188.000	94%	94%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	12.806.199	6.333.199	12.874.000	6.342.500	101%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	2.800.000	1.400.000	2.883.000	1.441.500	103%	103%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	200.000	27.000	255.000	30.000	128%	111%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.800.000	4.900.000	9.730.000	4.865.000	99%	99%
-	Thuế tài nguyên	6.199	6.199	6.000	6.000	97%	97%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.045.000	3.097.000	5.904.000	3.032.000	98%	98%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.400.000	1.700.000	3.500.000	1.750.000	103%	103%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	52.000	25.500	55.000	27.000	106%	106%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.443.000	1.221.500	2.188.000	1.094.000	90%	90%
-	Thuế tài nguyên	150.000	150.000	161.000	161.000	107%	107%
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	3.000.000	6.200.000	3.100.000	103%	103%
6	Lệ phí trước bạ	1.050.000	1.050.000	1.000.000	1.000.000	95%	95%
7	Thuế bảo vệ môi trường	530.000	256.000	550.000	165.000	104%	64%
-	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	18.000	0	220.000	0	1222%	
-	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	512.000	256.000	330.000	165.000	64%	64%
8	Thu phí, lệ phí	500.000	347.000	500.000	340.000	100%	98%

STT	Nội dung các khoản thu	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		SO SÁNH %	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
-	Phí lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện	153.000	0	160.000	0	105%	
-	Phí lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	347.000	347.000	340.000	340.000	98%	98%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	101	101	0	0	0%	0%
10	Thuế nhà đất	165.000	165.000	100.000	100.000	61%	61%
11	Tiền thuế mặt đất, mặt nước	1.800.000	1.800.000	600.000	600.000	33%	33%
12	Thu tiền sử dụng đất	3.610.000	3.610.000	3.600.000	3.600.000	100%	100%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, ... tại xã	270	270	1.000	1.000	370%	370%
14	Thu khác ngân sách	1.000.000	562.000	750.000	300.000	75%	53%
15	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	13.087	13.087	11.000	11.000	84%	84%
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	665.343	665.343	600.000	600.000	90%	90%
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140.000	97.300	110.000	74.300	79%	76%
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.180.000	2.180.000	1.870.000	1.870.000	86%	86%
-	Thuế giá trị gia tăng	570.000	570.000	550.000	550.000	96%	96%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	214.000	214.000	210.000	210.000	98%	98%
-	Thu từ thu nhập sau thuế	626.000	626.000	550.000	550.000	88%	88%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	770.000	770.000	560.000	560.000	73%	73%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	17.800.000	0	17.800.000	0	100%	
-	Thuế xuất khẩu	121.000	0	112.000	0	93%	
-	Thuế nhập khẩu	1.922.000	0	1.860.000	0	97%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	82.000	0	100.000	0	122%	
-	Thuế bảo vệ môi trường	66.000	0	65.000	0	98%	
-	Thuế giá trị gia tăng	15.499.000		15.603.000			
-	Khác: (Lệ phí,...)	110.000	0	60.000	0	55%	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu mẫu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	Tổng chi ngân sách địa phương	27.997.633	31.035.301	3.037.668	111%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	26.062.833	28.676.301	2.613.468	110%
I	Chi đầu tư phát triển	11.108.405	12.840.605	1.732.200	116%
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung	4.561.007	4.533.405	(27.602)	99%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.511.429	5.587.302	2.075.873	159%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.925.969	2.489.898	563.929	129%
-	Bộ chi ngân sách	1.000.000	0	(1.000.000)	0%
-	Chi đầu tư phát triển khác	110.000	230.000	120.000	209%
II	Chi thường xuyên	14.452.936	15.295.690	842.754	106%
	<i>Trong đó:</i>				
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.925.528	6.354.052	428.524	107%
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	119.481	121.197	1.716	101%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	-	100%
V	Dự phòng ngân sách	498.582	537.096	38.514	108%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.934.800	2.359.000	424.200	122%
I	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.934.800	2.359.000	424.200	122%

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu mẫu số 30

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ HUYỆN 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			-	
I	Nguồn thu ngân sách	22.221.704	25.903.581	3.681.877	117%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	17.903.175	18.572.400	669.225	104%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.043.529	4.670.467	2.626.938	229%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-	
4	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm trước	1.036.429	2.040.816	1.004.387	197%
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0	-	
6	Thu kết dư	238.571	619.898		
7	Bộ chi	1.000.000	0	(1.000.000)	0%
II	Chi ngân sách	22.221.704	25.903.581	3.681.877	117%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	14.685.747	17.132.452	2.446.705	117%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	7.535.957	8.771.129	1.235.172	116%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	6.689.357	8.002.129	1.312.772	120%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	846.600	769.000	(77.600)	91%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-	
B	NGÂN SÁCH HUYỆN			-	
I	Nguồn thu ngân sách	13.311.886	13.902.849	590.963	104%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	5.775.929	4.644.900	(1.131.029)	80%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.535.957	8.771.129	1.235.172	116%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	6.689.357	8.002.129	1.312.772	120%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	846.600	769.000	(77.600)	91%
3	Thu kết dư			-	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		486.820	486.820	
II	Chi ngân sách	13.311.886	13.902.849	590.963	104%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	13.311.886	13.902.849	590.963	104%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			-	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			-	
-	Chi bổ sung có mục tiêu			-	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Đơn vị: Triệu đồng																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	B																		
	TỔNG CỘNG	7.439.570	5.931.570	3.379.870	2.503.500	3.840	802.600	69.930	958.000	1.000.000	11.500	193.000	142.800	100.000	17.170	1.508.000	550	271.480	134.600
1	Thành phố Biên Hòa	3.124.000	2.674.000	1.700.000	1.292.800	2.200	385.000	20.000	380.000	350.000	10.000	75.000	60.000	59.000	10.000	450.000	0	90.000	60.000
2	Huyện Vĩnh Cửu	435.000	370.000	250.000	144.800	200	70.000	35.000	45.000	22.000		28.000	23.700	6.000	4.000	65.000	0	15.000	8.000
3	Huyện Trảng Bom	829.000	569.000	215.000	170.300	200	44.000	500	100.000	210.000	0	12.500	8.600	4.000	2.500	260.000	0	25.000	12.000
4	Huyện Thống Nhất	222.820	152.820	67.000	34.980	20	30.000	2.000	36.000	30.800	0	7.000	5.000	2.000	20	70.000	0	10.000	5.000
5	Huyện Định Quán	268.800	193.800	106.370	94.000	170	11.500	700	28.500	34.000		6.500	4.000	800		75.000	450	17.180	7.500
6	Huyện Tân Phú	104.000	82.000	33.500	28.150	150	5.100	100	17.500	16.200	0	5.500	2.900	700	0	22.000	100	8.500	5.000
7	Thành phố Long Khánh	394.500	304.500	120.000	84.100	400	26.500	9.000	51.000	85.000	1.500	18.000	10.300	4.000		90.000	0	25.000	4.000
8	Huyện Xuân Lộc	334.500	294.500	165.000	145.300	200	18.000	1.500	50.000	50.000	0	10.000	6.500	1.500	200	40.000	0	17.800	6.600
9	Huyện Cẩm Mỹ	174.500	124.500	35.000	30.370	0	4.500	130	45.000	32.000	0	4.500	2.300	1.000	0	50.000	0	7.000	3.500
10	Huyện Long Thành	1.012.300	692.300	418.000	284.500	150	133.000	350	105.000	112.000	0	16.000	10.900	11.000	300	320.000	0	30.000	11.000
11	Huyện Nhơn Trạch	540.150	474.150	270.000	194.200	150	75.000	650	100.000	58.000	0	10.000	8.600	10.000	150	66.000	0	26.000	12.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI
NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
A	Chi cân đối ngân sách địa phương:	28.676.301	14.773.452	13.902.849
I	Chi đầu tư phát triển:	12.840.605	9.359.505	3.481.100
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	4.533.405	2.726.105	1.807.300
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.587.302	4.682.502	904.800
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.489.898	1.720.898	769.000
4	Bộ chi ngân sách	-	-	-
5	Chi đầu tư phát triển khác	230.000	230.000	-
II	Chi thường xuyên. Trong đó	15.295.690	5.152.541	10.143.149
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	839.955	254.145	585.810
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	6.354.052	1.163.608	5.190.444
3	Chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình	1.605.099	1.402.231	202.868
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	121.197	121.197	-
5	Chi sự nghiệp văn hóa	146.541	86.855	59.686
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	186.599	154.948	31.651
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	85.251	54.375	30.876
8	Chi đảm bảo xã hội	1.010.709	311.183	699.526
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.414.747	519.954	894.793
10	Sự nghiệp môi trường	753.210	75.228	677.982
11	Chi quản lý hành chính	2.565.011	962.863	1.602.148
12	Chi khác ngân sách	213.319	45.954	167.365
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	-	-	-
IV	Dự phòng ngân sách	537.096	258.496	278.600
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.359.000	2.359.000	
-	Chi đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.359.000	2.359.000	
	TỔNG CỘNG (A+B)	31.035.301	17.132.452	13.902.849

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số ____/NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3
	CHI THƯỜNG XUYÊN	5.152.541
I	CHI QUỐC PHÒNG	186.807
-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	186.807
-	Dự phòng	-
II	CHI AN NINH	67.338
-	Công an tỉnh	67.338
-	Dự phòng	-
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1.163.608
1	Chi sự nghiệp giáo dục	893.380
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	755.682
-	Đại học Đồng Nai	3.698
-	Dự phòng	134.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	270.228
-	Đại học Đồng Nai	39.518
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	20.000
-	Sở Y tế	2.200
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	26.159
-	Trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	40.310
-	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	15.503
-	Trường Chính trị Đồng Nai	22.840
-	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7.151
-	Công an tỉnh	200
-	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	60.182
-	Sở Ngoại vụ	2.170
-	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	29.450
-	Sở Khoa học và Công nghệ	520
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	140
-	Sở Nội vụ	3.885
IV	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	54.375
	Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	54.375
		-
		-
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	121.197
-	Sở Khoa học và Công nghệ	59.280
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	11.859
-	Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật	7.254
-	Công an tỉnh	4.741
-	Sở Thông tin và Truyền thông	38.063
-	Dự phòng	-
VI	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1.402.231
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.770
-	Sở Y tế	950.558
-	Bảo hiểm xã hội	448.903
-	Dự phòng	-
VII	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	86.855
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	70.212
-	Nhà Xuất bản Đồng Nai	2.500
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	2.327
-	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	8.289

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Tình đoàn (Nhà thiếu nhi)	2.827
-	Liên Đoàn lao động tỉnh	700
VIII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	154.948
1	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	154.948
IX	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	75.228
	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	6.832
	Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển	2.600
	Sở Công thương	6.600
	Sở Tài nguyên và Môi trường	54.684
	Công an tỉnh	1.400
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	100
	Ban quản lý các khu công nghiệp	3.012
X	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	519.954
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	149.311
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	82.760
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	41.388
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	41.372
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	44.913
-	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	44.913
c	Sự nghiệp thủy lợi	21.638
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.747
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai	3.891
-	Công ty khai thác công trình thủy lợi	7.000
2	Chi sự nghiệp công thương	21.976
-	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	8.875
-	Trung tâm Xúc tiến thương mại	11.665
-	Sở Công thương	1.436
3	Chi sự nghiệp giao thông	171.328
-	Sở Giao thông Vận tải	101.065
-	Ban An toàn giao thông	30.263
-	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn Hóa Đồng Nai	-
-	Công an tỉnh	-
-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	-
-	Trợ giá xe buýt	40.000
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	16.793
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	16.793
5	Chi sự nghiệp quy hoạch	100.000
-	Sở Xây dựng	-
-	Kinh phí quy hoạch cấp tỉnh, huyện	100.000
6	Chi sự nghiệp du lịch	11.294
	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	9.344
	Văn phòng Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.950
7	Sự nghiệp công nghệ thông tin	-
	Sở Thông tin và Truyền thông	-
8	Sự nghiệp kinh tế khác	49.252
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.000
-	Sở Thông tin và Truyền thông	32.347
-	Ban quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh	1.800
-	Cục Quản lý thị trường	2.105
-	Sở Xây dựng để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	11.000
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	962.863
1	Chi quản lý nhà nước	689.755
-	Văn Phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân	21.424
-	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	57.987
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51.896
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.051
-	Sở Giao thông Vận tải	20.226

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
-	Ban An toàn giao thông	1.522
-	Sở Thông tin và Truyền thông	7.563
-	Sở Công thương	21.129
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	22.022
-	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	12.199
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.957
-	Thanh tra tỉnh	10.331
-	Sở Nội vụ	74.962
-	Sở Tư pháp	12.692
-	Sở Ngoại vụ	18.046
-	Ban Dân tộc	27.383
-	Sở Khoa học và Công nghệ	10.739
-	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	4.798
-	Sở Xây dựng	29.871
-	Ban quản lý các khu công nghiệp	29.190
-	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	16.198
-	Sở Y tế	19.520
-	Sở Tài chính	26.049
-	Dự phòng	160.000
2	Đảng	150.000
3	Đoàn thể	123.108
a	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	14.660
-	Hội Chữ thập đỏ	4.847
-	Hội Người mù	1.610
-	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	1.315
-	Hội cựu thanh niên xung phong	2.450
-	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày	2.669
-	Hội người cao tuổi	1.769
b	Chi tổ chức chính trị, xã hội	65.005
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	11.101
-	Tinh đoàn	25.183
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	12.318
-	Hội Nông dân	11.006
-	Hội Cựu chiến binh	5.397
c	Chi tổ chức nghề nghiệp	43.443
-	Hội Sinh viên	2.575
-	Hội nhà báo	1.603

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, xã được hưởng theo phân cấp	Trong đó			Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (60%)	Thu từ các đơn vị sự nghiệp tại địa phương (40%)	Thu từ nguồn CCTL tại địa phương	Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, xã	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố				Đơn vị: Triệu đồng
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu NSDP	Thu NSDP được hưởng theo tỷ lệ					Tổng số	Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	
A	B	I	2	3	4	8	9	10	11	11-12-13-14	12	13	14		
1	Thành phố Biên Hòa	2.674.000	1.594.000	559.000	1.035.000	36.738	24.492	96.783	2.799.445	1.139.042	0	1.047.432	91.610		
2	Huyện Vĩnh Cửu	370.000	228.700	98.700	130.000	2.010	1.339	29.920	776.807	575.893	0	514.838	61.055		
3	Huyện Trảng Bom	569.000	394.850	237.600	157.250	3.140	2.093	43.350	1.106.657	718.232	0	663.224	55.008		
4	Huyện Thống Nhất	152.820	95.320	44.820	50.500	3.597	2.398	30.547	778.800	701.417	0	646.938	54.479		
5	Huyện Định Quán	193.800	114.535	47.450	67.085	4.482	2.987	52.469	1.107.982	1.001.789	0	933.509	68.280		
6	Huyện Tân Phú	82.000	50.450	25.000	25.450	3.997	2.665	48.326	1.045.963	1.012.994	0	940.525	72.469		
7	Thành phố Long Khánh	304.500	194.050	112.300	81.750	9.502	6.335	27.858	830.288	649.614	0	592.543	57.071		
8	Huyện Xuân Lộc	294.500	173.050	66.300	106.750	7.425	4.949	56.474	1.128.411	980.026	0	886.513	93.513		
9	Huyện Cẩm Mỹ	124.500	78.865	38.930	39.935	1.814	1.210	41.519	889.871	871.116	0	766.463	104.653		
10	Huyện Long Thành	692.300	406.875	145.550	261.325	3.732	2.487	33.181	902.239	511.818	0	455.964	55.854		
11	Huyện Nhơn Trạch	474.150	274.075	89.400	184.675	4.763	3.175	26.393	862.586	609.188	0	554.180	55.008		
TỔNG SỐ		5.931.570	3.604.770	1.465.050	2.139.720	81.200	54.130	486.820	12.229.049	8.771.129	0	8.002.129	769.000		
Ghi chú:															

Ghi chú:

- Dự toán thu, chi ngân sách huyện, xã chưa bao gồm: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện được hưởng.
- Bổ sung cân đối ngân sách nếu trên bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã.
- Bổ sung có mục tiêu. Trong đó:
 - Bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư theo đúng quy định của Bộ Tài chính về sử dụng nguồn này.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên				Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	Dự phòng ngân sách
			Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung của tỉnh	chi từ nguồn bổ sung ngân sách tập trung của tỉnh	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu bổ sung xổ số kiến thiết	Tổng số	Chi sự nghiệp môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Các sự nghiệp khác			
A	B	1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG CỘNG	13.902.849	3.481.100	1.807.300		904.800	769.000	10.143.149	677.982	5.190.444	4.274.723		278.600	
1	Thành phố Biên Hòa	3.161.055	600.867	239.257		270.000	91.610	2.496.888	335.205	1.166.206	995.476		63.300	
2	Huyện Vĩnh Cửu	876.862	259.512	159.457		39.000	61.055	599.750	30.580	299.572	269.598		17.600	
3	Huyện Trảng Bom	1.317.665	354.673	143.665		156.000	55.008	936.592	43.865	495.085	397.643		26.400	
4	Huyện Thống Nhất	875.279	238.763	142.284		42.000	54.479	619.016	21.924	326.465	270.627		17.500	
5	Huyện Định Quán	1.221.262	291.606	178.326		45.000	68.280	905.156	34.978	503.296	366.882		24.500	
6	Huyện Tân Phú	1.131.632	274.937	189.268		13.200	72.469	833.995	18.830	459.064	356.101		22.700	
7	Thành phố Long Khánh	941.359	260.124	149.053		54.000	57.071	662.335	33.568	313.288	315.479		18.900	
8	Huyện Xuân Lộc	1.245.924	283.392	165.879		24.000	93.513	937.532	21.712	558.708	357.112		25.000	
9	Huyện Cẩm Mỹ	1.024.524	285.224	150.571		30.000	104.653	718.800	23.450	386.255	309.095		20.500	
10	Huyện Long Thành	1.150.093	393.729	145.875		192.000	55.854	733.364	52.329	356.629	324.406		23.000	
11	Huyện Nhơn Trạch	957.194	238.273	143.665		39.600	55.008	699.721	61.541	325.876	312.304		19.200	

Đơn vị: Triệu đồng

DỰ TOÁN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG
HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày ____ tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó vốn nước ngoài	Bổ sung chi đầu tư từ nguồn thu bổ sung xố số kiến thiết	Bổ sung từ nguồn ngân sách tập trung của tỉnh	Bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh
A	B	1=2+3	8	2	3	4
1	Thành phố Biên Hòa	91.610		91.610	-	-
2	Huyện Vĩnh Cửu	61.055		61.055	-	-
3	Huyện Trảng Bom	55.008		55.008	-	-
4	Huyện Thống Nhất	54.479		54.479	-	-
5	Huyện Định Quán	68.280		68.280	-	-
6	Huyện Tân Phú	72.469		72.469	-	-
7	Thành phố Long Khánh	57.071		57.071	-	-
8	Huyện Xuân Lộc	93.513		93.513	-	-
9	Huyện Cẩm Mỹ	104.653		104.653	-	-
10	Huyện Long Thành	55.854		55.854	-	-
11	Huyện Nhơn Trạch	55.008		55.008	-	-
TỔNG SỐ		769.000	0	769.000	0	0